

Vinh Long, ngày 07 tháng 8 năm 2026

Số: 134/2026/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo)**

Địa chỉ trụ sở chính: số A Phố T, phường H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh T** – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng T4 số.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn K** – chức vụ: Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Ngân hàng T4 – Chi nhánh C.

Người đại diện được ủy quyền lại:

1. Bà **Trang Kim T1** – chức vụ: Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng T4.

2. Bà **Phạm Thị Thu H** – chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng – Ngân hàng T4 số.

3. Ông **Lê Quốc T2** – chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng – Ngân hàng T4 số.

- *Bị đơn:*

1. Anh **Trần Đặng Thanh T3**, sinh năm 1992

2. Chị **Phạm Thị Phương H1**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: ấp Đ là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982

Địa chỉ: B, N, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400 ngày 27/08/2020; phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400/CCN1/PL1 ngày 15/12/2023; phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400/CCN1/PL2 ngày 25/07/2024 và giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ kèm đề xuất rút vốn số: 39/2020/22000/10.ĐNRV/400 ngày 28/08/2020 tính đến ngày 29/7/2026 là 618.610.354đ (Sáu trăm mười tám triệu sáu trăm mười nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 433.606.546đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 102.191.449đ (Một trăm lẻ hai triệu một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng), lãi chậm trả lãi là 12.969.865đ (Mười hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng), lãi chậm trả gốc là 69.842.494đ (Sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Từ ngày 30/7/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400 ngày 27/08/2020; phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400/CCN1/PL1 ngày 15/12/2023; phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 39/2020/22000/07.HĐTD/400/CCN1/PL2 ngày 25/07/2024 và giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ kèm đề xuất rút vốn số: 39/2020/22000/10.ĐNRV/400 ngày 28/08/2020 được ký kết giữa Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) với anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

2.2. Trường hợp anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 không trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) thì Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 214, tờ bản đồ 20, diện tích 1862,4m² trong đó đất ở diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1562,4m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 028053, số vào sổ cấp GCN: CS06470 do anh Trần Đăng Thanh T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 03/7/2020 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T3 và chị H1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo).

2.3. Anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 trả xong khoản nợ vay thì Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) có nghĩa vụ trả lại anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 028053 tại thửa số 214, tờ bản đồ 20, diện tích 1862,4m² trong đó đất ở diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1562,4m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do anh Trần Đăng Thanh T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 03/7/2020.

Án phí sơ thẩm:

- Anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm nên buộc anh T3 và chị H1 phải nộp số tiền là 14.372.000đ (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.859.000đ (Mười hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001625 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Chi phí xem xét, thẩm định: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Anh Trần Đăng Thanh T3 và chị Phạm Thị Phương H1 phải nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng T4 (tiền thân là Ngân hàng T5) (VCBNeo).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung